

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 11/9/1998 và Hoàng Vinh H, sinh ngày 23/7/2000. Hai con chung đã đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, ông Hoàng Thanh B trình bày: Ông và bà Y tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1994. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông và bà Y thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ chồng sống ly thân từ 5 năm nay. Hai vợ chồng không còn sống cùng nhà. Thời gian 5 năm qua hai vợ chồng cũng không có hàn gắn, kết nối được với nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống ông và bà Y có 02 con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 11/9/1998 và Hoàng Vinh H, sinh ngày 23/7/2000. Hai con chung đã đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Y vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Hoàng Thanh B nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, thì bị đơn – bà Trịnh Ngọc Y có cư trú tại Đường T, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án ông B cung cấp địa chỉ mới của bà Y tại Đường T, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Y tại địa chỉ nêu trên. Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, quận T thì bà Trịnh Ngọc Y có cư trú tại địa chỉ Đường T, Phường N, quận T. Do đó, Tòa án tiến hành tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định xét xử cho bà Y theo địa chỉ mới là Đường T', Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Lần thứ nhất là ngày 25/3/2019, lần thứ 2 là ngày 19/4/2019, nhưng bà Y vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 01/94, Quyền số 063 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/10/1994 thì quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà Y là hợp pháp. Nay ông B xin ly hôn vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Ông B và bà Y đã sống ly thân 5 năm nay, trong thời gian 5 năm sống ly thân ông B vẫn không có mong muốn quay về đoàn tụ với bà Y.

Quá trình hòa giải và tại phiên Tòa, ông B cương quyết ly hôn vì mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm nên không thể đoàn tụ.

Xét: Mâu thuẫn giữa ông B và bà Y là có thật, vợ chồng đã ly thân từ 5 năm nay, cả hai đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, thương yêu nhau, do đó không còn khả năng đoàn tụ. Xét yêu cầu của ông B là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của ông B và bà Y thì quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Kim N, sinh ngày 11/9/1998 và Hoàng Vinh H, sinh ngày 23/7/2000. Do 02 con chung đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời trình bày của ông B và bà Y thì quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông B phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Thanh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Thanh B được ly hôn bà Trịnh Ngọc Y.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng Kim N, sinh ngày 11/9/1998 và Hoàng Vinh H, sinh ngày 23/7/2000, đã đến tuổi thành niên.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà Y khai không có.

2. Về án phí: Ông Hoàng Thanh B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037084 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án

hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận T;
- Chi cục THA dân sự Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Q